

THÔNG BÁO

**Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của
UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận
và trả kết quả của UBND thành phố Rạch Giá**

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Qua rà soát, cập nhật, bổ sung các thủ tục hành chính mới của Chủ tịch UBND tỉnh công bố (*chi tiết đính kèm các Quyết định công bố của UBND tỉnh*). UBND thành phố thông báo danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND thành phố Rạch Giá gồm 16 ngành, 53 lĩnh vực, 298 thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông (*theo danh mục đính kèm*).

Thông báo này thay thế Thông báo số 481/TB-UBND ngày 04/7/2024 của UBND thành phố về việc danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND thành phố Rạch Giá.

UBND thành phố thông báo đến các phòng, ban ngành thành phố, UBND các phường, xã, các tổ chức, cá nhân được biết, thực hiện thủ tục hành chính.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Các phòng ban, ngành thành phố;
- UBND các phường, xã;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT.

Nguyễn

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Việt Trung

Phụ lục

**CÁC QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

(Kèm theo Thông báo số 731/TB-UBND ngày 07/11/2024 của UBND thành phố)

- Quyết định số 2137/QĐ-UBND ngày 24/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thay thế lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ/ UBND cấp huyện/ UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Quyết định số 2156/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Quyết định số 2400/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực Thành lập và Hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Quyết định số 2440/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 về việc Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Đất đai thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/ UBND cấp huyện/ UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Giáo dục thường xuyên, lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, lĩnh vực Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo/ UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Quyết định số 2523/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài nguyên nước, lĩnh vực biển và hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang..

- Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp huyện/UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Quyết định số 2803/QĐ-UBND ngày 17/10/2024 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở; lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của ngành Xây dựng áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND thành phố Rạch Giá

(Kèm theo Thông báo số 731 /TB-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
I. NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT		
1. Lĩnh vực: Nông nghiệp (01 TTHC)		
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện)	
2. Lĩnh vực: Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn: (01 TTHC)		
2	Hỗ trợ dự án liên kết	
3. Lĩnh vực: Lâm nghiệp (07 TTHC)		
3	Phê duyệt phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường	
4	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)	
5	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	
6	Xác nhận bảng kê gỗ nhập khẩu khi thực hiện thủ tục hải quan	
7	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	
8	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	
9	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do CT UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư	
4. Lĩnh vực: Kiểm Lâm (02 TTHC)		
10	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	
11	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	
5. Lĩnh vực: Thủy lợi (05 TTHC)		
12	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	
13	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện.	
14	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).	
15	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên).	
16	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND cấp tỉnh phân cấp (UBND cấp huyện phê duyệt)	
6. Lĩnh vực: Thủy sản (07 TTHC)		
17	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	
18	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	
19	Công bố mở cảng cá loại 3	
20	Xóa đăng ký tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài từ 6 mét đến dưới 12 mét)	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
21	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến 12 mét)	
22	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến dưới 12 mét)	
23	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 6 mét đến dưới 12 mét)	
II. NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		
7. Lĩnh vực: Giáo dục mầm non (05 TTHC)		
24	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thực	
25	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	
26	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	
27	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	
28	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	
8. Lĩnh vực: Giáo dục tiểu học (06 TTHC)		
29	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thực	
30	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	
31	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	
32	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	
33	Giải thể trường tiểu học	
34	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	
9. Lĩnh vực: Giáo dục trung học (11 TTHC)		
35	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thực	
36	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	
37	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	
38	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	
39	Giải thể trường trung học cơ sở	
40	Tuyển sinh trung học cơ sở	
41	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	
42	Tiếp nhận học sinh THCS Việt Nam về nước	
43	Tiếp nhận học sinh THCS nước ngoài	
44	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc THCS	
45	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	
10. Lĩnh vực: Giáo dục dân tộc (05 TTHC)		
46	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	
47	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	
48	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	
49	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
50	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	
11. Lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (08 TTHC)		
51	Đề nghị đánh giá, công nhận "Cộng đồng học tập" cấp huyện	
52	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	
53	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	
54	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn	
55	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	
56	Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo	
57	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	
58	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	
III. NGÀNH XÂY DỰNG		
12. Lĩnh vực: hoạt động xây dựng (08 TTHC)		
59	Thẩm định và điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp).	
60	Thẩm định và điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp)	
61	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	
62	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	
63	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	
64	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	
65	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
66	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	
13. Lĩnh vực: Quy hoạch Kiến trúc (03 TTHC)		
67	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	
68	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	
69	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.	
14. Lĩnh vực: Hạ tầng kỹ thuật (01 TTHC)		
70	Cấp phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	
15. Lĩnh vực: Nhà ở		
71	Công nhận Ban quản trị	
IV. NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG		
16. Lĩnh vực: Đất đai (21 TTHC)		
72	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	
73	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	
74	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là cá nhân	
75	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	
76	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	
77	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	
78	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân	
79	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là cá nhân	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
80	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại thị trấn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở	
81	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân	
82	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất	
83	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	
84	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	
85	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	
86	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	
87	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông	
88	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư	
89	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất	
90	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư.	
91	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là cá nhân	
92	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp	
93	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	
17. Lĩnh vực: Môi trường (04 TTHC)		
94	Cấp Giấy phép Môi trường	
95	Cấp đổi Giấy phép Môi trường	
96	Cấp điều chỉnh Giấy phép Môi trường	
97	Cấp lại Giấy phép Môi trường	
18. Lĩnh vực: Biển và hải đảo (05 TTHC)		
98	Giao khu vực biển	
99	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển	
100	Trả lại khu vực biển	
101	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển	
102	Công nhận khu vực biển	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
19	Lĩnh vực: Tài nguyên nước (02 TTHC)	
103	Đăng ký khai thác sử dụng nước dưới đất	
104	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)	
V. NGÀNH Y TẾ		
20.	Lĩnh vực: Dân số và Kế hoạch hóa gia đình (01 TTHC)	
105	Cấp lại Giấy chứng sinh đối với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép Giấy chứng sinh	
21.	Lĩnh vực: An toàn thực phẩm và dinh dưỡng (01 TTHC)	
106	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp Huyện	
VI. NGÀNH CÔNG THƯƠNG		
22.	Lĩnh vực: Lưu thông Hàng hóa trong nước (09 TTHC)	
107	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
108	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
109	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
110	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ rượu	
111	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	
112	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ rượu	
113	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
114	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
115	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	
23.	Lĩnh vực: Kinh doanh khí (03 TTHC)	
116	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
117	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
118	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	
24.	Lĩnh vực: Công nghiệp địa phương (01 TTHC)	
119	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	
VII. NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG		
25.	Lĩnh vực: phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (04 TTHC)	
120	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
121	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
122	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
123	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	
VIII. NGÀNH VĂN HÓA VÀ THỂ THAO		
26.	Lĩnh vực: Văn hóa cơ sở (07 TTHC)	
124	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	
125	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	
126	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	
127	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	
128	Xét tặng danh hiệu "Thôn, tổ dân phố văn hóa"	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
129	Xét, công nhận phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh	
130	Xét, công nhận lại phường, thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh	
27. Thư viện (03 TTHC)		
131	Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc sở sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	
132	Thủ tục thông báo sát nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc sở sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và sở sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	
133	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc sở sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	
28. Gia đình (02 TTHC)		
134	cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân	
135	Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	
IX. NGÀNH LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI		
29. Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội (08 TTHC)		
136	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	
137	Cấp lại, điều chỉnh Giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có Giấy phép hoạt động do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp	
138	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	
139	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	
140	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	
141	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	
142	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú không có người thân thích chăm sóc	
143	Thực hiện điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	
30. Lĩnh vực: Phòng, chống Tệ nạn xã hội (03 TTHC)		
144	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện tại gia đình, cộng đồng	
145	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện tại gia đình, cộng đồng	
146	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	
31. Lĩnh vực: Người có công (03 TTHC)		
147	Thăm viếng mộ liệt sĩ	
148	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	
149	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	
32. Lĩnh vực: Giáo dục nghề nghiệp (04 TTHC)		

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
150	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.	
151	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	
152	Bổ nhiệm giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.	
153	Miễn nhiệm giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.	
33. Lĩnh vực: Lao động, Tiền lương (02 TTHC)		
154	Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động phải ngừng việc do đại dịch COVID-19	
155	Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền	
34. Lĩnh vực: Trẻ em (02 TTHC)		
156	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	
157	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	
35. Lĩnh vực: Bảo hiểm xã hội (01 TTHC)		
158	Lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý	
36. Lĩnh vực Việc làm (02 TTHC)		
159	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	
160	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh	
37. Lĩnh vực: Quản lý lao động ngoài nước (02 TTHC)		
161	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	
162	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	
X. NGÀNH NỘI VỤ		
38. Lĩnh vực: Tổ chức - Biên chế (06 TTHC)		
162	Thủ tục thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	
163	Thủ tục thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	
164	Thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	
165	Thẩm định thành lập tổ chức hành chính	
166	Thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính	
167	Thẩm định giải thể tổ chức hành chính	
39. Lĩnh vực: Thi đua Khen thưởng (07 TTHC)		
168	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho cá nhân, tập thể theo công trạng	
169	Thủ tục tặng danh hiệu tập thể lao động tiên tiến	
170	Thủ tục tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở	
171	Thủ tục tặng danh hiệu lao động tiên tiến	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
172	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	
173	Thủ tục tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất	
174	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho gia đình	
40. Lĩnh vực: Tín ngưỡng, Tôn giáo (08 TTHC)		
175	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo	
176	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	
177	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	
178	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	
179	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	
180	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	
181	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	
182	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực	
41. Lĩnh vực: Tổ chức phi Chính phủ (05 TTHC)		
183	Thủ tục thành lập hội	
184	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội	
185	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	
186	Thủ tục đổi tên hội	
187	Thủ tục hội tự giải thể	
425 Lĩnh vực: Viên chức (04 TTHC)		
188	Thi tuyển viên chức	
189	Xét tuyển viên chức	
190	Tiếp nhận vào làm viên chức	
191	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
XI. NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI		
43. Lĩnh vực: Đường thủy nội địa (20 TTHC)		
192	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
193	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
194	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
195	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
196	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
197	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
198	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
199	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
200	Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện (đối với phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 05 sức ngựa đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người).	
201	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	
202	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
203	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới	
204	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	
205	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	
206	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	
207	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	
208	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	
209	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	
210	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên đường nội địa vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	
211	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên đường nội địa vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	
XII. NGÀNH TÀI CHÍNH		
44. Lĩnh vực: Quản lý Công sản (13 TTHC)		
212	Mua quyền hóa đơn	
213	Mua hóa đơn lẻ	
214	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư.	
215	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.	
216	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	
217	Quyết định tiêu hủy tài sản công	
218	Quyết định xử lý tài sản công trường hợp bị mất, bị huỷ hoại.	
219	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	
220	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc	
221	Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án	
222	Quyết định điều chuyển tài sản công	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
223	Quyết định bán tài sản công.	
224	Quyết định thanh lý tài sản công	
XIII. NGÀNH THANH TRA		
45. Lĩnh vực: Khiếu nại Tố cáo (05 TTHC)		
225	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu	
226	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai	
227	Thủ tục giải quyết tố cáo	
228	Thủ tục tiếp công dân	
229	Thủ tục xử lý đơn	
46. Lĩnh vực: Phòng chống tham nhũng (04 TTHC)		
230	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	
231	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	
232	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	
233	Thủ tục thực hiện việc giải trình	
XIV. NGÀNH TƯ PHÁP		
47. Lĩnh vực: Hộ tịch (17 TTHC)		
234	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	
235	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	
236	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	
237	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
238	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	
239	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	
240	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	
241	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	
242	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
243	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
244	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	
245	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	
246	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
247	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	
248	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	
249	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	
250	Xác nhận thông tin hộ tịch	
48. Lĩnh vực: Bồi thường Nhà nước (02 TTHC)		
251	Thủ tục phục hồi danh dự	
252	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường	
49. Lĩnh vực: Chứng thực (12 TTHC)		
253	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	
254	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	
255	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng	
256	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
257	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	
258	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	
259	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	
260	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	
261	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	
262	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	
263	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	
264	Cấp bản sao từ sổ gốc	
50. Lĩnh vực: Nuôi con nuôi (01 TTHC)		
265	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
XV. NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ		
51. Lĩnh vực: Thành lập và Hoạt động của Hộ kinh doanh (05 TTHC)		
266	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	
267	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	
268	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	
269	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	
270	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	
52. Lĩnh vực: Thành lập và Hoạt động của Hợp tác xã (26 TTHC)		
271	Đăng ký thành lập hợp tác xã, đăng ký khi hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	
272	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	
273	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, sáp nhập	
274	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên minh hợp tác xã	
275	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên minh hợp tác xã	
276	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên minh hợp tác xã	
277	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên minh hợp tác xã bị tách, sáp nhập	
278	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên minh hợp tác xã	
279	Thông báo tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	
280	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên minh hợp tác xã	
281	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
282	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	
283	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	
284	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	
285	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị yêu cầu	

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
286	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	
287	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	
288	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	
289	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	
290	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
291	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	
292	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
293	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	
294	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
295	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
296	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
XVI NGÀNH DÂN TỘC		
53. Lĩnh vực Dân tộc		
297	công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	
298	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	